

Bản án số: 79/2020/HS-PT

Ngày: 23-6-2020

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH THÁI NGUYÊN**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Hồng Phương

Các thẩm phán: Bà Nguyễn Thị Thủy

Bà Trần Thị Nhài

- Thư ký Tòa án: Ông Vũ Thành Công – Thẩm tra viên Tòa án nhân dân tỉnh thái Nguyên.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thái Nguyên tham gia phiên tòa:

Bà Dương Thị Thu Hiền - Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 6 năm 2020, tại Tòa án nhân dân tỉnh Thái Nguyên, xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự phúc thẩm thụ lý số 36/2020/TLPT-HS ngày 25 tháng 3 năm 2020 đối với các bị cáo Hoàng Văn B, Lê Quang H, Hoàng Tùng M do có kháng cáo của các bị cáo đối với bản án hình sự sơ thẩm số 03/2020/HS-ST ngày 18 tháng 02 năm 2020 của Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên.

- Các Bị cáo có kháng cáo:

1. Hoàng Văn B, Sinh ngày 21/10/1992

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và chỗ ở: Xóm BK, xã BT, huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Trình độ văn hóa: 9/12; Nghề nghiệp: Làm ruộng; Con ông Hoàng Văn A, Sinh năm 1964; Con bà Lê Thị D, Sinh năm 1966; Vợ: Trình Thị H, Sinh năm 1999. Có 01 con, sinh năm 2017; Tiền án, tiền sự: Không

Bị cáo bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 17/7/2019 đến ngày 04/9/2019. Hiện đang tại ngoại tại địa phương nơi cư trú. Vắng mặt tại phiên tòa.

2. Lê Quang H, Sinh ngày 03/06/1986

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và chỗ ở: Xóm BK, xã BT, huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Trình độ văn hóa: 6/12; Nghề nghiệp: Làm ruộng; Con ông: Lê Quang D, Sinh năm 1956; Nghề nghiệp: Làm ruộng; Con bà: Nguyễn Thị M, Sinh năm 1961; Có vợ Nguyễn Thị Y, Sinh năm 1989; Có 02 con, lớn sinh năm 2007, con nhỏ sinh năm 2012; Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 05/7/2019 đến ngày 27/9/2019. Hiện đang tại ngoại tại địa phương nơi cư trú. Có mặt tại phiên tòa.

3. Hoàng Tùng M, Sinh ngày 04/01/1989

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và chỗ ở: Xóm Đ, xã BT, huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Trình độ văn hóa: 09/12; Nghề nghiệp: Làm ruộng; Con ông: Hoàng Văn T, Sinh năm 1956; Làm ruộng; Con bà: Đàm Thị B (đã chết); Vợ: Nguyễn Thị H, Sinh năm 1992; Có 02 con, lớn sinh năm 2012, nhỏ sinh năm 2014; Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 08/7/2019 đến ngày 15/11/2019. Hiện đang tại ngoại tại địa phương nơi cư trú. Vắng mặt tại phiên tòa.

- Bị cáo không kháng cáo: Vũ Văn T, Sinh ngày 06/10/1991

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và chỗ ở: Xóm ĐM, xã BT, huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên. (Tòa không triệu tập)

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 10 giờ 00 phút ngày 05/7/2019, tại khu vực gầm cầu vượt Công ty NP thuộc xóm X, xã HT, huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên. Tổ công tác của Công an huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên tiến hành kiểm tra Lê Quang H đang điều khiển xe ô tô BKS: 20A - 210.69 chở Vũ Văn T đi phía trước, Hoàng Tùng M điều khiển xe ô tô BKS: 20A - 256.49 đi phía sau có dấu hiệu nghi vấn liên quan đến hành vi vận chuyển pháo. Tổ công tác tiến hành tiếp cận thì Lê Quang H và Hoàng Tùng M điều khiển xe ô tô bỏ chạy. H điều khiển xe ô tô BKS: 20A - 210.69 bỏ chạy theo đường liên xã HT - PL, M điều khiển xe ô tô BKS: 20A - 256.49 bỏ chạy theo đường Quốc lộ 37. Khi H điều khiển xe ô tô BKS: 20A - 210.69 đến khu vực đường vành đai bờ moong mỏ than PM thuộc xóm C, xã PL, huyện Đ dừng lại và vứt nhiều túi nilông màu đen xuống rìa bờ moong rồi tiếp tục điều khiển xe ô tô bỏ chạy qua khu vực kho KV3 thuộc địa phận xã PL, huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên thì bị bắt, thu giữ vật chứng gồm: 111 vật hình hộp, kích thước (14,5x14,5) cm, bên ngoài bọc giấy màu vàng, đỏ có in hoa và hình chữ nước ngoài (nghi là pháo); 01 điện thoại di động nhãn hiệu OPPO màu hồng, điện thoại cảm ứng, màn hình bị vỡ dạn nứt; 01 xe ô tô nhãn hiệu HYUNDAI i10 màu bạc, BKS: 20A - 210.69.

Ngày 06/7/2019, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Đ đã mở niêm phong vật chứng tiến hành cân xác định trọng lượng 111 vật hình hộp có cùng đặc điểm kích thước 14,5x14,5 cm chia làm 3 lần:

Lần 1: Cân 40 vật hình hộp có cùng đặc điểm kích thước 14,5x14,5cm, có tổng khối lượng 57,5 kg;

Lần 2: Cân 40 vật hình hộp có cùng đặc điểm kích thước 14,5x14,5cm, có tổng khối lượng 57,5 kg;

Lần 3: Cân 31 vật hình hộp có cùng đặc điểm kích thước 14,5x14,5cm, có tổng khối lượng 44,5 kg;

Tổng số vật chứng thu giữ có khối lượng 159,5kg. Lấy ngẫu nhiên 04 hộp hình hộp có cùng đặc điểm, kích thước có khối lượng 5,8kg trong 111 vật hình hộp có cùng đặc điểm kích thước 14,5x14,5 cm làm mẫu gửi giám định được niêm phong trong hộp cattong ký hiệu M1.

Tại kết luận giám định số 1017/KL-KTHS, ngày 11/7/2019 của phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Thái Nguyên kết luận: 04 vật hình hộp chữ nhật có cùng đặc điểm, kích thước (14,5 x 14,5 x 15) cm, có khối lượng là 5,8kg, bên ngoài bọc giấy có in nhiều hoa văn và chữ viết nước ngoài, trong mỗi hộp có 36 ống hình trụ đường kính 2,4cm, dài 15cm, được niêm phong theo quy định trong hộp cát tông kích thước (43x32x22) cm, ký hiệu M1 là pháo, có đầy đủ đặc tính của pháo nổ (có chứa thuốc pháo và khi bị kích thích hoặc đốt có gây tiếng nổ).

Ngày 08/7/2019, Hoàng Tùng M đến Cơ quan điều tra Công an huyện Đ đầu thú.

Ngày 09/7/2019, Vũ Văn T đến Cơ quan điều tra Công an huyện Đ đầu thú, giao nộp 01 điện thoại di động Iphone 6 màu đen, 01 xe ô tô nhãn hiệu KIA MORNING màu đỏ BKS: 20A - 256.49.

Ngày 17/7/2019, Hoàng Văn B đến Cơ quan điều tra Công an huyện Đ đầu thú, giao nộp 01 chiếc điện thoại di động Nokia 1280 và khai nhận hành vi phạm tội của mình.

Tại Cơ quan điều tra và tại phiên tòa sơ thẩm, Hoàng Văn B, Lê Quang H và Hoàng Tùng M khai nhận: Ngày 02/7/2019, Hoàng Văn B và Lê Quang H bàn bạc, thống nhất rủ nhau lên tỉnh CB mua pháo về bán kiếm lời. B có nhiệm vụ tìm đầu mối, H có nhiệm vụ là đi chở pháo. Do H chưa có tiền nên B ứng ra trước 57.000.000 đồng để đi mua pháo. Đến sáng ngày 03/7/2019, B gặp Vũ Văn T và nói với T ngày 04/7/2019 B sẽ cùng H lên tỉnh CB mua pháo về để bán kiếm lời. T nói với B cho T góp chung 10.000.000 đồng mua pháo, B đồng ý và hẹn T khi nào tìm được mối mua pháo thì B sẽ gọi cho T (do T không vay được tiền nên T chưa đưa số tiền này cho B).

Tối ngày 03/7/2019, B liên lạc với 01 người phụ nữ tên V ở tỉnh CB (B không rõ lai lịch, địa chỉ cụ thể) đặt mua khoảng hơn 70.000.000 đồng tiền pháo thì người này đồng ý và hẹn B tối ngày 04/7/2019 giao pháo tại đèo Cao Bắc tỉnh CB. Đến khoảng 08 giờ 00 ngày 04/07/2019, B đã nhờ anh Hoàng Văn N (Sinh năm: 1986; trú tại: xóm BK, xã BT, huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên) mượn xe ô tô HYUNDAI i10 BKS: 20A-210.69 của anh Lương Văn K (Sinh năm: 1986; trú tại: xóm Y, xã PX, huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên) cho B, anh N đồng ý và mượn được xe cho B (anh N không biết việc B mượn xe để đi mua pháo). Đến khoảng 09 giờ cùng ngày, B gọi điện vào số thuê bao 0396.682.999 của T thông báo là đã tìm được mối để mua pháo. M thấy T nói chuyện điện thoại với B nên biết việc T và B đi mua pháo. M gọi điện cho B xin góp 8.000.000 đồng để cùng lên CB mua pháo về bán thì B đồng ý. B, H, T và M thỏa thuận, khi bán được pháo sẽ chia lợi nhuận sau. Bão gửi cho K số tiền là 58.000.000 đồng để khi H đến lấy xe đi mua pháo thì đưa cho H (anh K không biết việc B và H đi mua pháo). Bão nói H lấy 1.000.000 đồng để đổ xăng. Đến khoảng 17 giờ cùng ngày, H lên nhà anh K lấy xe thì thấy trong xe có 01 cọc tiền của B gửi. Sau đó, H một mình điều khiển xe ô tô HYUNDAI i10 màu bạc BKS: 20A - 210.69, T điều khiển xe ô tô KIA MORNING màu đỏ BKS: 20A - 256.49 của T chở M đi lên tỉnh CB lấy pháo. Đến khoảng 21 giờ cùng ngày, V gọi điện cho B nói đi xe bán tải màu trắng đang đợi ở đỉnh đèo Cao Bắc tỉnh CB. B gọi điện cho H nói

mọi người cứ bốc hết pháo lên xe chở về thừa thiếu tính sau. Khi đến chân đèo Cao Bắc, M đưa cho T số tiền 8.000.000 đồng để góp với B mua pháo. Sau đó, H điều khiển xe ô tô BKS: 20A - 210.69 chở T đi phía trước, M điều khiển xe ô tô BKS: 20A - 256.49 đi phía sau. Khi H và T đến đỉnh đèo Cao Bắc thì thấy 01 xe bán tải màu trắng (không nhớ biển kiểm soát) đang đỗ bên đường như B nói. T xuống xe thì thấy trong xe bán tải có 01 người phụ nữ và một người đàn ông, T đưa 65.000.000 đồng cho người phụ nữ và nói tiền của B mua pháo. Sau khi đưa tiền thì người đàn ông chỉ T lùi xe vào chỗ đất trống để giao pháo. T bảo H lùi xe vào bãi đất trống. H và người đàn ông lùi 02 xe ô tô vào bãi đất trống. Sau đó, T và H chuyển pháo từ xe bán tải vào cốp sau của xe BKS: 20A - 210.69 thì thấy pháo đã được để sẵn trong các túi nilông màu đen (loại pháo giàn 36 quả), khi chuyển được khoảng 20 túi thì đầy cốp và ghé phía sau nên T và H không chuyển nữa. Sau đó, H điều khiển xe ô tô BKS: 20A - 210.69 đi về để đổi xe với M. T ở lại chờ H. Khi gặp M, H ra hiệu cho M dừng xe ô tô lại rồi nói M điều khiển xe ô tô BKS: 20A - 210.69 đi về trước còn H điều khiển xe ô tô BKS: 20A - 256.49 quay lại lấy pháo tiếp. Khi H quay lại thì T và H chuyển nốt 07 túi nilông pháo sang xe ô tô BKS 20A - 256.49 rồi T điều khiển xe ô tô BKS 20A - 256.49 chở H đi về. Khi đi được khoảng 10km thì gặp xe M, H sang xe ô tô BKS: 20A - 210.69 đi một mình còn M sang xe ô tô BKS 20A - 256.49 đi với T. Khoảng 02 giờ 30 phút ngày 05/7/2019, hai xe ô tô đi đến khu vực cầu vượt NP huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên thì M sang xe đi với H. Khi đến nhà H thì H về nhà còn M điều khiển xe ô tô BKS: 20A - 210.69 chở pháo về nhà M cất giấu, T điều khiển xe ô tô BKS 20A - 256.49 đi về nhà. Khi về đến nhà, T bỏ toàn bộ số pháo trên xe vào kho nhà T để cất giấu. Đến khoảng 06 giờ 30 phút cùng ngày, thì có người đàn ông không rõ lai lịch, địa chỉ gọi vào số điện thoại di động của M đặt mua 100 giàn pháo thì M đồng ý và hẹn đến chân cầu vượt NP huyện Đ để giao dịch.

T điều khiển xe ô tô của T BKS 20A - 256.49 chở M đi đón H rồi cùng nhau đến nhà M lấy xe chở pháo đi bán. H điều khiển xe ô tô BKS: 20A - 210.69 chở pháo, T điều khiển xe ô tô của T chở M đi trước. Khi đến khu vực cầu vượt NP khi chuẩn bị giao hàng thì H bị phát hiện bắt quả tang, thu giữ vật chứng, T lái xe bỏ chạy.

Tại bản án hình sự sơ thẩm số 03 ngày 18/02/2020 của Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên đã quyết định:

Áp dụng: điểm c Khoản 3 Điều 190; điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 (bị cáo H không được hưởng tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 2 Điều 51) Bộ luật hình sự.

Xử phạt: Bị cáo Hoàng Văn B 08 (tám) năm 03 (ba) tháng tù, được trừ thời hạn tạm giữ, tạm giam từ ngày 17/7/2019 đến ngày 04/9/2019. Thời hạn tù tính từ ngày chấp hành hình phạt.

Bị cáo Lê Quang H 08 (tám) năm 02 (hai) tháng tù, được trừ thời hạn tạm giữ, tạm giam từ ngày 05/7/2019 đến ngày 27/9/2019. Thời hạn tù tính từ ngày chấp hành hình phạt.

Bị cáo Hoàng Tùng M 08 (tám) năm tù, được trừ thời hạn tạm giữ, tạm giam từ ngày 08/7/2019 đến ngày 15/11/2019. Thời hạn tù tính từ ngày đi chấp hành hình phạt.

Ngoài ra, bản án còn quyết định về tội danh, hình phạt đối với Vũ Văn T 08 (tám) năm tù trong cùng vụ án, phạt bổ sung, quyết định xử lý vật chứng, án phí và thông báo quyền kháng cáo theo luật định.

Ngày 26/02/2020 bị cáo Lê Quang H kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt.

Ngày 27/02/2020 bị cáo Hoàng Văn B và Hoàng Tùng Mi kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt.

Ngày 22/6/2020 các bị cáo Hoàng Văn B và Hoàng Tùng M đã rút toàn bộ kháng cáo. Tòa án nhân dân tỉnh Thái Nguyên đã ra thông báo số 13 ngày 22/6/2020 về việc rút kháng cáo đối với bị cáo Hoàng Văn B và Hoàng Tùng M.

Tại phiên tòa bị cáo H giữ nguyên nội dung kháng cáo.

Phân kết luận vụ án, đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thái Nguyên sau khi phân tích tính chất của vụ án, nhân thân, các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với bị cáo Lê Quang H có kháng cáo, đã đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ điểm a khoản 1 Điều 355 và Điều 356 của Bộ luật tố tụng hình sự. Không chấp nhận kháng cáo của bị cáo Lê Quang H, giữ nguyên mức hình phạt của bản án sơ thẩm đối với bị cáo.

Bị cáo không tranh luận, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét hoàn cảnh của bị cáo. Lời nói sau cùng bị cáo Lê Quang H thừa nhận hành vi phạm tội của mình, bị cáo xin Hội đồng xét xử phúc thẩm cho bị cáo được giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Đơn kháng cáo của bị cáo Lê Quang H làm trong hạn luật định là hợp lệ, được xem xét theo trình tự phúc thẩm.

[2] Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo Lê Quang H khai nhận toàn bộ hành vi của mình đúng như bản án sơ thẩm. Lời khai của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của các bị cáo khác trong cùng vụ án tại cơ quan điều tra, phiên tòa sơ thẩm, phù hợp với các tài liệu khác đã thu thập được trong quá trình điều tra vụ án, như lời khai của người làm chứng, biên bản bắt người có hành vi phạm tội quả tang cùng toàn bộ vật chứng đã thu giữ. Hội đồng xét xử đủ căn cứ pháp luật xác định:

Ngày 02/7/2019 Hoàng Văn B đã rủ Lê Quang H, Vũ Văn T góp tiền cùng lên tỉnh CB mua pháo về bán kiếm lời. B bỏ ra trước 57.000.000 đồng (trong đó ứng ra cho T 10.000.000 đồng). Hoàng Tùng M gọi điện cho B xin góp 8.000.000 đồng, B đồng ý. Các bị cáo thỏa thuận, khi bán được pháo sẽ chia lợi nhuận sau. Khoảng 17 giờ 00 phút ngày 04/7/2019, B mượn xe ô tô Hyundai i10, BKS: 20A - 210.69 của Lương Văn K để H điều khiển, còn T điều khiển xe

ô tô Kia Morning, BKS: 20A - 256.49 của mình chở M đi lên khu vực đèo Cao Bắc tỉnh CB để mua pháo theo chỉ dẫn và chỉ đạo của B. Đến khoảng 21 giờ 00 phút cùng ngày T, H và M đã mua được nhiều hộp pháo với tổng số tiền là 65.000.000đồng rồi sử dụng 02 chiếc ô tô trên vận chuyển toàn bộ số pháo về cất giấu tại nhà T và M. Đến khoảng 10 giờ 00 phút ngày 05/7/2019 H, T và M đang vận chuyển 111 hộp có đầy đủ đặc tính của pháo nổ (có chứa thuốc pháo và bị kích thích hoặc đốt có gây tiếng nổ) đến khu vực gầm cầu vượt NP thuộc xóm X, xã HT, huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên để bán cho một người đàn ông không rõ lai lịch, địa chỉ. Khi đang giao dịch bị thì Tổ công tác của Công an huyện Đ phát hiện bắt quả tang, thu giữ vật chứng.

Với hành vi nêu trên, Tòa án cấp sơ thẩm xét xử bị cáo Lê Quang H phạm tội “Buôn bán hàng cấm” theo điểm c Khoản 3 Điều 190 Bộ luật hình sự là có căn cứ, đúng pháp luật.

[3]. Xét kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt của bị cáo Lê Quang H. Hội đồng xét xử thấy:

Tòa án cấp sơ thẩm đã đánh giá đúng tính chất, hành vi phạm tội và vai trò phạm tội của bị cáo trong vụ án và áp dụng đầy đủ các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, xử phạt bị cáo Lê Quang H 08 (tám) năm 02 (hai) tháng tù; về tội “Buôn bán hàng cấm” là có căn cứ đúng quy định. Kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt của bị cáo không có căn cứ chấp nhận. Cần giữ nguyên quyết định của bản án sơ thẩm phần liên quan đến bị cáo H.

Đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thái Nguyên tại phiên tòa có căn cứ.

Bị cáo H phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

[4] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị, Hội Đồng xét xử không xem xét.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 355, Điều 356 của Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015. Không chấp nhận kháng cáo của bị cáo Lê Quang H. Giữ nguyên phần hình phạt đối với bị cáo Lê Quang H theo quyết định của bản án hình sự sơ thẩm số 03/2020/HSST ngày 18/02/2020 của Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên.

Tuyên bố: Bị cáo Lê Quang H phạm tội “Buôn bán hàng cấm”;

1. Áp dụng: điểm c Khoản 3 Điều 190; điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự. Xử phạt: Bị cáo Lê Quang H 08 (tám) năm 02 (hai) tháng tù, được trừ thời hạn tạm giữ, tạm giam từ ngày 05/7/2019 đến ngày 27/9/2019. Thời hạn tù tính từ ngày đi chấp hành hình phạt.

2. Án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015 Nghị quyết số 326 ngày 30/12/2016 của UBTVQH 14 quy định về án phí, lệ phí Tòa án. Buộc bị cáo Lê Quang H phải chịu 200.000đồng án phí hình sự phúc thẩm.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án hình sự phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh TN, Sở TP;
- TAND huyện Đ;
- Công an huyện Đ;
- THADS huyện Đ;
- THA hình sự;
- Bị cáo (theo địa chỉ);
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Thị Hồng Phương